

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-ST

Ngày 18/8/2026

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lý Viết Chấn và bà Trần Thị Thuý Vi.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Đức Nguyên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thuý Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk, Tòa án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2026/TLST – HNGĐ, ngày 08 tháng 04 năm 2026, về việc “*Kiến ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 47/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 30/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1985 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn P, xã E).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn P, xã E).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc P trình bày:

Bà P và ông T sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 12/02/2007. Sau một thời gian chung sống đến năm 2021 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp về lối sống, bất đồng quan điểm, vợ chồng xúc phạm nhau, làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, tổn thất về tình của nhau. Do không thể tiếp tục chung sống được nên vợ chồng đã ly thân, bỏ mặc nhau từ năm 2021 cho

đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được với nhau, nên bà P đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

Về con chung: Bà P và ông T có 02 con chung là Nguyễn Trần Bảo K sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Trần Trường G, sinh ngày 21/8/2010; Hiện nay cả hai con chung đang chung sống với ông T. Đối với Nguyễn Trần Bảo K đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với Nguyễn Trần Trường G hiện tại đang chung sống với ông T, để tránh sự xáo trộn cuộc sống của con nên bà P đồng ý giao cháu G cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Quang T trình bày thống nhất với lời khai của bà P về thời điểm kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Ông T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã và thiếu tôn trọng nhau trong cuộc sống. Bà P đã bỏ đi làm ăn từ năm 2021 cho đến nay và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc tới nhau. Vì vậy ông đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: ông với bà P có 02 con chung là Nguyễn Trần Bảo K sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Trần Trường G, sinh ngày 21/8/2010; Hiện nay cả hai con chung đang được ông Trung trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với Nguyễn Trần Bảo K đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông T có nguyện vọng nuôi dưỡng Nguyễn Trần Trường G cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Yêu cầu bà P cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Trần Thị Ngọc P được ly hôn với ông Nguyễn Quang T. Giao con chung Nguyễn Trần Trường G cho ông Nguyễn Quang T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; đối với Nguyễn Trần Bảo K đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành và sống tự lập nên không xem xét giải quyết. Về cấp dưỡng: Buộc bà Trần Thị Ngọc P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trần Trường G sinh ngày 21/8/2010 mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp

dưỡng tính từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu Nguyễn Trần Trường G đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, công nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc P yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Quang T có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc P và ông Nguyễn Quang T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E (nay là xã E tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 12/02/2007, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà P và ông T thì trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau và vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau, làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, tổn thất về tinh thần của nhau. Do không thể tiếp tục chung sống nên vợ chồng đã sống ly thân, bỏ mặc nhau từ năm 2021 cho đến nay. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định trong thời gian chung sống tại địa phương giữa vợ chồng bà P và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay.

Xét mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P, cho bà Trần Thị Ngọc P được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

[3] Về con chung: Bà P và ông T có hai con chung là Nguyễn Trần Bảo K sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Trần Trường G, sinh ngày 21/8/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T, bà P đều thống nhất giao con chung Nguyễn Trần Trường G cho ông Trung trực T1 nuôi dưỡng. Tại văn bản ghi nhận ý kiến của con chung Nguyễn Trần Trường G có nguyện vọng được ở với ông T. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì hiện ông T đang làm nghề sửa chữa xe máy tại địa phương, có đủ điều kiện và chỗ ở để nuôi dạy con chung, hiện tại con chung đang sống với ông T và được ông T chăm sóc đảm bảo. Mặt khác theo bà P trình bày thì hiện nay bà P đang làm ăn xa nhà, không có chỗ ở và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi ích về mọi mặt của con chung, đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

giao con chung là Nguyễn Trần Trường G cho ông Trung trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Quang T yêu cầu ông bà Trần Thị Ngọc P cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho Nguyễn Trần Trường G, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Căn cứ Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc bà Trần Thị Ngọc P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trần Trường G mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi là căn cứ.

Đối với Nguyễn Trần Bảo K đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành và sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân Gia đình và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Ngọc P được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Trường G, sinh ngày 21/8/2010 cho ông Nguyễn Quang Trung trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị Ngọc P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, bà P không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc bà Trần Thị Ngọc P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trần Trường G mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), phương

thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà P đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tiền số 0003502 ngày 02/04/2026. Bà Trần Thị Ngọc P còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Quang T có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc P có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện khu vực 4- Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Hoàng Long